

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2026

V/v “*Tranh chấp không công nhận cha cho con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thảo và ông Nguyễn Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 471/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp không công nhận cha con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1047/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Phan Thị Bích Q, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Chung cư C, đường N, tổ F, phường C, thành phố Đà Nẵng; Căn cước công dân số 048190001333 cấp ngày 08/07/2022, Nơi cấp: Cục C về TTXH.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Chung cư C, đường N, tổ F, phường C, thành phố Đà Nẵng; Căn cước công dân số 048087001152 cấp ngày 08/07/2022, Nơi cấp: Cục C về TTXH.

(Các bên đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Phan Bích Q trình bày:*

Bà và ông Phạm Ngọc H1 trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại

Tòa án số 32/2025/QĐCNTTLH ngày 10/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng. Trong thời kỳ tồn tại hôn nhân giữa bà và ông H1 thì bà có thời gian sống ly thân. Quá trình sống ly thân với ông H1, bà đã phát sinh tình cảm với người đàn ông khác không rõ nhân thân lai lịch dẫn đến có thai. Thời điểm bà ly hôn với ông H1, bà không trình bày thông tin bà có thai với người đàn ông khác cho Tòa án biết. Sau khi bà và ông H1 chính thức ly hôn vào tháng 10/2025 thì đến ngày 15/4/2026 tại Bệnh viện P bà đã sinh ra một bé trai. Bé trai do bà sinh ra vào ngày 15/4/2026 không phải con ông H1. Nay, bà muốn làm giấy khai sinh cho bé trai do bà sinh ra vào ngày 15/4/2026, nên đề nghị Tòa án không công nhận ông Trần Ngọc H là cha của bé trai do bà sinh ra vào ngày 15/4/2026.

**Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Ngọc H trình bày:*

Ông xác nhận, trước đây ông và bà Phạm Phan Thị Bích Q là vợ chồng, quá trình hôn nhân ông bà sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, sau đó bà Q bỏ nhà đi, đến tháng 10/2025 thì ông và bà Q đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 32/2025/QĐCNTTLH ngày 10/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng. Tại thời điểm ly hôn bà Q không cung cấp thông tin cho ông và Tòa án biết bà đang mang thai. Nay, bà Q trình bày vào ngày 15/4/2026 bà có sinh ra một bé trai, và khẳng định không phải con của ông và đề nghị Tòa án không công nhận ông là cha của bé trai do bà Quy S vào ngày 15/4/2026 thì ông đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Phan Thị Bích Q. Không công nhận ông Trần Ngọc H là cha của cháu trai sinh ngày 15/4/2026 do bà Quy sinh tại Bệnh viện P. Về án phí: Bà Q không phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Phạm Phan Thị Bích Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp xác định không phải cha cho con với bị đơn ông Trần Ngọc H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại phường C nên Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Bà Phạm Phan Thị Bích Q và ông Trần Ngọc H cùng xác nhận ông bà trước đây là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2011. Sau khi kết hôn bà Q và ông H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn bất đồng và sau đó ông bà đã sống ly thân. Đến tháng 10/2025 bà Q và ông H đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng thể hiện tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 32/2025/QĐCNTTLH ngày 10/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng. Tại Quyết định ly hôn ông H và bà Q xác nhận có 02 con chung là cháu Trần Phan Khánh H2, sinh ngày 06/07/211 và cháu Trần Phan Khánh H3, sinh ngày 06/09/2018.

Theo bà Q trong thời gian sống ly thân với ông H thì bà Q có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng bà Q không rõ nhân thân lai lịch của người đàn ông này. Đến ngày 15/4/2026 bà Q đã sinh một bé trai tại Bệnh viện P thể hiện tại Giấy chứng sinh số 02856 số quyền 04/2026 của Bệnh viện P. Việc bà Q mang thai và sinh con gia đình bà Q và ông H đều không biết. Thời điểm bà Q và ông H giải quyết ly hôn, bà Q không cung cấp thông tin về việc bà đang mang thai nên Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng không biết và không giải quyết vấn đề liên quan đến cháu bé trai mà bà đang mang thai này. Nay, bà Q xác định bé trai do bà sinh ra vào ngày 15/4/2026 không phải con của ông H, bị đơn ông H cũng xác nhận và thống nhất với yêu cầu của bà Q.

HDXX xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Q xác định cháu bé trai sinh ngày 15/4/2026 theo giấy chứng sinh số Giấy chứng sinh số 02856 số quyền 04/2026 của Bệnh viện P do bà Quy S ra không phải là con đẻ của ông Trần Ngọc H. Ông H cũng thống nhất với ý kiến trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của bà Q. Tại kết quả xét nghiệm ADN của Viện sinh học phân tử L ngày 20/7/2026 thể hiện: “Ông Trần Ngọc H và bé trai sinh ngày 15/4/2026 KHÔNG cùng quan hệ huyết thống cha con”

Xét thấy, mặc dù cháu bé trai do bà Q sinh ngày 15/4/2026 theo giấy chứng sinh số Giấy chứng sinh số 02856 số quyền 04/2026 của Bệnh viện P do bà Quy sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Q và ông H nhưng căn cứ vào Kết quả giám định ADN của Viện sinh học phân tử L ngày 20/7/2026 thể hiện: “Ông Trần Ngọc H và bé trai sinh ngày 15/4/2026 KHÔNG cùng quan hệ huyết thống cha con”; lời khai

của các bên đương sự khẳng định bé trai do bà Quy S vào ngày 15/4/2026 không phải con của ông Trần Ngọc H, nên HĐXX có đủ cơ sở khẳng định ông Trần Ngọc H không phải là cha đẻ của cháu bé trai do bà Q sinh ngày 15/4/2026 theo giấy chứng sinh số Giấy chứng sinh số 02856 số quyền 04/2026 của Bệnh viện P. Do vậy, ông H không phải là cha đẻ của cháu bé trai do bà Quy sinh ra là có căn cứ nên yêu cầu khởi kiện của bà Q là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Q không phải chịu án phí về việc xác định không phải cha cho con theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Q, ông H được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 88; khoản 2 Điều 101; điểm a khoản 3 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Phan Thị Bích Q đối với ông Trần Ngọc H về việc “Không công nhận cha cho con”.

Tuyên xử:

1. Xác định bé trai, giới tính nam, sinh ngày 15/4/2026 theo Giấy chứng sinh số 02856 số quyền 04/2026 của Bệnh viện P, thành phố Đà Nẵng do bà Phạm Phan Thị Bích Q sinh ra không phải là con đẻ của ông Trần Ngọc H.

Bà Phạm Phan Thị Bích Q có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch tại địa phương để làm thủ tục khai sinh cháu bé trai do bà Quy S ngày 15/4/2026 theo Giấy chứng sinh số 02856 số quyền 04/2026 của Bệnh viện P theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Phạm Phan Thị Bích Q không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho bà Phạm Phan Thị Bích Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006665 ngày 18/6/2026 tại Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai, báo cho các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;
- Phòng THA dân sự khu vực 3- ĐN;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bình